

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B3**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04010**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Bệnh cây nông nghiệp**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160281	Nguyễn Thị Kim	Anh	09/05/2009				8.5	7.0	8.5	8.5		5.0		6.2
2	2456201160282	Nguyễn Hồ Trọng	Duy	24/10/2009				6	6.5	6.0	8.0		8.0		7.5
3	2456201160283	Lâu Xuân	Đào	22/03/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
4	2456201160285	Phạm Quốc	Hào	31/07/2009				5	6.5	8.5	8.0		7.5		7.4
5	2456201160286	Trần Thị Nhựt	Huỳnh	26/03/2009				8	7.0	10.0	9.0		6.5		7.3
6	2456201160287	Nguyễn Thanh	Khởi	11/11/2009				7	6.0	6.0	8.5		5.0		5.7
7	2456201160289	Nguyễn Hoàng	Luật	04/09/2009				7.5	6.0	6.0	6.5		0.0		2.5
8	2456201160290	Huỳnh Thị Cẩm	Ly	11/01/2009				8	7.0	10.0	10.0		6.5		7.4
9	2456201160291	Nguyễn Phạm Trà	Mi	11/01/2009				8.5	7.0	8.5	8.5		6.5		7.1
10	2456201160293	Nguyễn Hoàng	Nam	13/03/2009				8	6.0	5.5	6.0		6.0		6.1
11	2456201160294	Trần Bảo	Nam	30/12/2008				7	6.0	5.5	7.0		0.0		2.5
12	2456201160295	Trần Quốc	Nam	26/03/2008				7	6.5	8.5	8.5		8.0		7.9
13	2456201160296	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	15/12/2009				9	9.0	8.5	7.0		6.5		7.2
14	2456201160297	Nguyễn Cao Minh	Nhật	18/05/2009				7.5	8.5	10.0	8.5		6.5		7.4
15	2456201160298	Trần Thị Yến	Nhi	28/06/2009				9	10.0	8.5	9.0		6.5		7.6
16	2456201160299	Võ Thảo	Nhi	18/10/2008				9	7.5	10.0	10.0		6.5		7.6
17	2456201160300	Đồng Thị Huỳnh	Như	04/10/2009				8	7.0	10.0	9.0		8.0		8.2
18	2456201160303	Bùi Đức	Quy	16/09/2009				7.5	7.0	6.5	6.0		9.5		8.4
19	2456201160304	Nguyễn Thị Bảo	Quyên	16/01/2009				7.5	7.0	6.5	7.0		9.0		8.2
20	2456201160306	Trần Quốc	Thái	18/04/2009				9	9.0	8.5	8.0		7.0		7.6
21	2456201160896	Đoàn Văn	Đặng	23/05/2009				7	6.5	5.5	7.0		7.5		7.1

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thị Ngọc An